

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DSPT

Ngày: 10/01/2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Nguyễn Phạm Tổ Phong - Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa*.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Phúc E; cư trú tại: Thôn Thạnh A, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Thanh B

2. Bà Võ Thị Th

Cùng cư trú tại: Khu phố Trà Quang Bắc, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Phan Hữu D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (Giấy ủy quyền ngày 07/6/2019) (vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã Mỹ H

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Phạm Thanh L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mỹ H (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

3. Công ty TNHH A; địa chỉ: Số 72 đường Nguyễn H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Hà Văn B1; cư trú tại: số nhà 72A đường Nguyễn H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019)

4. Bà Trần Thị L; cư trú tại: Thôn Trà Bình Đ, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định.

5. Ông Trần Văn Ph; cư trú tại: Thôn Bình Tân T, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định.

6. Bà Trần Thị H; Thôn Trà Bình T, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Thanh B – Bị đơn; Công ty TNHH A&B - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Võ Phúc E trình bày:*

Năm 2005, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P giao cho hộ gia đình ông được sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535m<sup>2</sup> loại đất trồng rừng tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định để trồng rừng sản xuất theo chương trình WB3. Ngày 11/5/2006, UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số H00045 cho hộ gia đình ông tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất.

Năm 2005, ông cho ông Lê Thanh B mượn 01ha (10.000m<sup>2</sup>) đất về phía Nam thuộc thửa đất nêu trên để trồng cây keo. Hai bên có viết giấy mượn đất và giấy do ông B giữ.

Ông B đã trồng cây keo nhưng lại trồng trên diện tích đất hơn 01ha nên ông không đồng ý và yêu cầu ông B nhổ cây keo để trả lại đất, tuy nhiên vợ ông B là bà Võ Thị Th năn nỉ và hứa khi nào thu hoạch keo thì sẽ trả lại đất. Khoảng 03 năm sau, vợ chồng ông B chưa thu hoạch cây keo thì gặp cơn bão làm thiệt hại cây, vợ chồng ông B trồng lại cây trên diện tích đất của ông. Năm 2015, vợ chồng ông B thu hoạch cây keo xong, ông yêu cầu vợ chồng ông B trả lại nhưng ông B không đồng ý. Vợ chồng ông B đang chiếm giữ

trái phép diện tích 23.672,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33 của hộ gia đình ông. Vì vậy, ông yêu cầu vợ chồng ông B, bà Th nhỏ toàn bộ cây keo trả lại cho gia đình ông 23.672,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33.

*- Bị đơn ông Lê Thanh B trình bày:*

Vợ chồng ông không mượn đất trồng rừng sản xuất của ông Võ Phúc E tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định.

Năm 2005, vợ chồng ông khai hoang diện tích đất tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định, có giới cận: Bắc giáp thửa đất của ông Võ Phúc E, Nam giáp thửa đất của ông Nguyễn Thái H1, Tây giáp thửa đất của người dân thôn An Tr, xã Mỹ H, Đông giáp đỉnh núi. Sau khi khai hoang, vợ chồng ông trồng rừng đến năm 2010 thì khai thác lần 01, năm 2015 khai thác lần 02 và trồng lại cây keo cho đến nay.

Thửa đất mà gia đình ông đang sử dụng là thửa số 54, tờ bản đồ số 3, diện tích 46.812,9m<sup>2</sup>. Gia đình ông không sử dụng diện tích đất nào của hộ ông Võ Phúc E. Việc hộ ông E được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất vào năm 2006 ông không biết. Sau khi Tòa án lập hội đồng đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, ông mới biết được diện tích đất mà UBND huyện P cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Võ Phúc E có một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông. Vì vậy, ông yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện P đã cấp cho hộ ông E.

Hiện tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3 mà vợ chồng ông đang sử dụng chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ nhưng năm 2008, khi Nhà nước tiến hành đo đạc xác định diện tích đất thực tế của cá nhân, hộ gia đình sử dụng tại khu vực thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định, ông Võ Phúc E có ký xác nhận ranh giới quyền sử dụng đất của vợ chồng ông. Sau khi đo đạc, vẽ bản đồ thì thửa đất trên được Nhà nước đưa vào quy hoạch khai thác đá. UBND huyện P phê duyệt phương án đền bù thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông. Tháng 01/2019, Công ty TNHH A đã giao tiền đền bù và thu hồi thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3. Vợ chồng ông đã nhận tiền đền bù nên ông không đồng ý trả số tiền đã nhận cho ông Võ Phúc E như yêu cầu của Công ty TNHH A.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Th trình bày: Bà là vợ ông Lê Thanh B. Bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông B.

2. Ủy ban nhân dân huyện P do ông Phan Hữu D là người đại diện hợp pháp trình bày tại Văn bản số 821/UBND-TNMT ngày 15 tháng 8 năm 2019 như sau:

UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00045 ngày 11 tháng 5 năm 2006 cho hộ ông Võ Phúc E và bà Trần Thị L thừa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535,0m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định là đúng quy định của pháp luật nên việc ông Lê Thanh B yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, UBND huyện P không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. UBND xã Mỹ H do ông Phạm Thanh L là người đại diện hợp pháp trình bày tại Văn bản số 58/CV-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2019 như sau:

Năm 2006, thực hiện theo Chương trình dự án WB3, hộ ông Võ Phúc E được UBND huyện P cấp 01 lô đất trồng rừng sản xuất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535,0m<sup>2</sup> tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P. Sau khi được UBND huyện giao đất, ông E có để cho ông Lê Thanh B trực tiếp sản xuất một phần phía Nam của thửa đất nói trên (giáp với đất của ông Nguyễn Thái H1) từ năm 2006 đến năm 2015.

Năm 2013, Công ty TNHH Thủy T được UBND huyện cho chủ trương lập hồ sơ phương án đền bù để tiến hành khai thác đá tại vùng đất nói trên. Do đó để có cơ sở cũng như hồ sơ pháp lý tiến hành lập phương án đền bù nên Công ty Thủy T đã hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ địa chính H (gọi tắt là Công ty H) tiến hành đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật của từng thửa đất. Sau khi xác lập hồ sơ kỹ thuật của từng thửa đất Công ty H đã làm việc với từng hộ gia đình có đất bị ảnh hưởng để xác định người trực tiếp sử dụng đất cũng như chủ sử dụng đất. Sau đó, Công ty H có đến UBND xã để ký xác nhận vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất nên UBND xã đã xác nhận vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất của ông Lê Thanh B là người trực tiếp sản xuất một phần thửa đất nói trên (năm 2013 khi đó chưa xảy ra tranh chấp giữa ông Lê Thanh B và ông Võ Phúc E).

4. Công ty TNHH A do ông Hà Văn B1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2011, UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 29/4/2011 cho phép Công ty TNHH A được thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bằng Đ và núi Ch thuộc xã Mỹ H và xã Mỹ T, huyện P.

Năm 2014, Công ty TNHH A hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ địa chính H chịu trách nhiệm đo đạc, lập bản đồ, xác định vị trí, diện tích các hộ ảnh hưởng của dự án đồng thời thu thập các tài liệu liên quan đến tính hợp pháp của các chủ sử dụng có đất bị ảnh hưởng đến dự án. Việc chi trả bồi thường về đất, cây, hỗ trợ thực hiện theo Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất số 760/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện P. Trong đó việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm dựa trên căn cứ tỷ lệ diện tích đất bị thu hồi.

Việc áp giá bồi thường và hỗ trợ cho ông Lê Thanh B theo số hiệu thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, diện tích  $9.475\text{m}^2$  và thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01, diện tích  $11.687,8\text{m}^2$  đã được chi trả tiền đầy đủ, đúng quy định cho ông Lê Thanh B. Nay Công ty TNHH A yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất mà ông Lê Thanh B và ông Võ Phúc E tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Võ Phúc E thì buộc ông Lê Thanh B trả lại tiền đã nhận đền bù đối với phần diện tích đất và tiền hỗ trợ việc làm cho ông Võ Phúc E. Đối với số tiền hoa màu trên đất thì Công ty TNHH A và ông Lê Thanh B tự thỏa thuận. Ngoài ra, Công ty TNHH A không yêu cầu gì thêm.

5. Chị Võ Thị M, chị Võ Thị L1, anh Võ Xuân Qu đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Phúc E.

6. Bà Trần Thị L2, ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Y thống nhất trình bày:

Cha, mẹ của các ông, bà là ông Trần T và bà Đinh Thị Y. Cha, mẹ của các ông, bà sinh được 04 người con gồm bà Trần Thị L3, bà Trần Thị L2, ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị H. Ông Trần T chết vào năm 1965, bà Đinh Thị Y chết vào năm 2018, bà Trần Thị L3 chết vào năm 2013. Nay các ông, bà đều không tranh chấp, yêu cầu gì liên quan đến tài sản quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33 là di sản liên quan đến thừa kế của bà Đinh Thị Y chết để lại. Ngoài ra các ông, bà đều không yêu cầu gì thêm.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện P đã xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phúc E. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th.

1. Xác định diện tích  $23.672,9\text{m}^2$  đất trồng rừng sản xuất (ký hiệu  $S = 15574,1\text{m}^2 + S = 7984,6\text{m}^2 + S = 114,2\text{m}^2$ ) thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, địa chỉ thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00045 ngày 11 tháng 5 năm 2006 cho hộ ông Võ Phúc E thuộc quyền sử dụng của hộ ông Võ Phúc E.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th có nghĩa vụ chặt toàn bộ cây keo lá tràm được trồng trên diện tích  $23.672,9\text{m}^2$  đất trồng rừng sản xuất (ký hiệu  $S = 15574,1\text{m}^2 + S = 7984,6\text{m}^2 + S = 114,2\text{m}^2$ ) thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, địa chỉ thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định để trả lại diện tích  $23.672,9\text{m}^2$  đất trồng rừng sản xuất cho hộ ông Võ Phúc E sử dụng.

(Sơ đồ kỹ thuật diện tích đất các đương sự tranh chấp kèm theo bản án này).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00045 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 11 tháng 5 năm 2006 vì không có căn cứ.

4. Đối với số tiền mà Công ty TNHH A và vợ chồng ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th đã thỏa thuận đền bù, hỗ trợ, bồi thường liên quan đến diện tích 9.475m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, địa chỉ thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 24/5/2021, bị đơn ông Lê Thanh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của ông Võ Phúc E. Yêu cầu xem xét lại chi phí tố tụng.

Ngày 23/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH A kháng cáo yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh B trả lại số tiền đã nhận cho nguyên đơn là ông Võ Phúc E, Công ty TNHH A chấm dứt liên quan đến tranh chấp riêng giữa ông E và ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Năm 2005, hộ gia đình ông Võ Phúc E được UBND huyện P giao sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535m<sup>2</sup> loại đất trồng rừng tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định theo Dự án phát triển ngành lâm nghiệp do Ngân hàng Thế giới và các tổ chức song phương tài trợ (viết tắt WB3). Ngày 11/5/2006, hộ gia đình ông E được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ tại thửa đất nêu trên với diện tích 61.535m<sup>2</sup>, loại đất trồng rừng sản xuất.

Theo ông E, năm 2005 ông cho ông Lê Thanh B mượn 01ha (10.000m<sup>2</sup>) đất nằm ở vị trí phía Nam của thửa đất nêu trên để trồng cây keo nhưng ông B lại trồng trên diện tích đất hơn 01ha nên ông không đồng ý và yêu cầu ông B nhổ cây keo trả lại đất, tuy nhiên vợ ông B là bà Võ Thị Th năn nỉ và hứa khi nào thu hoạch keo thì sẽ trả lại đất. Khoảng 03 năm sau, vợ chồng ông B chưa thu hoạch cây keo thì gặp cơn bão làm thiệt hại cây, vợ chồng ông B trồng lại cây trên diện tích đất của ông. Năm 2015, vợ chồng

ông B thu hoạch cây keo xong, ông yêu cầu vợ chồng ông B trả lại đất nhưng ông B không trả. Ông Lê Thanh B không thừa nhận việc mượn đất của ông E. Ông B cho rằng nguồn gốc đất mà ông E khởi kiện đòi vợ chồng ông là do vợ chồng ông khai hoang năm 2005. Phần đất này có giới cận: Bắc giáp thửa đất của ông E, Nam giáp thửa đất của ông Nguyễn Thái H1, Tây giáp thửa đất của người dân thôn An T, xã Mỹ H và Đông giáp đỉnh núi. Sau khi khai hoang, vợ chồng ông trồng rừng đến năm 2010 thì khai thác lần 01, năm 2015 khai thác lần 02 và trồng lại cây keo cho đến nay. Ông B cũng cho rằng ông không sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33 như khởi kiện của ông Em vì diện tích đất ông khai hoang năm 2005 để trồng keo là thửa số 54, tờ bản đồ số 3, tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định. Năm 2008, ông có kê khai thửa đất này nên Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định - Chi nhánh huyện P đã xác nhận rằng ông có kê khai sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3, thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định, chưa được cấp GCNQSDĐ. Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3 của ông bị thu hồi nên gia đình ông đã nhận tiền đền bù cho 9.475m<sup>2</sup> đất do Công ty TNHH A chi trả với số tiền 127.301.040 đồng (trong đó: giá trị đất 35.057.500 đồng, hoa màu 22.128.540 đồng, hỗ trợ chuyển đổi việc làm 70.115.000 đồng).

[2] Theo UBND xã Mỹ H, năm 2006 thực hiện theo Chương trình dự án WB3 hộ ông Võ Phúc E được UBND huyện P cấp 01 lô đất trồng rừng sản xuất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535,0m<sup>2</sup> tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P. Sau khi được UBND huyện giao đất, ông E có để cho ông Lê Thanh B trực tiếp sản xuất một phần phía Nam của thửa đất nói trên (giáp với đất của ông Nguyễn Thái H1) từ năm 2006 đến năm 2015.

Năm 2011, UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 29/4/2011 cho phép Công ty TNHH A được thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bằng Đ và núi C thuộc các xã Mỹ H và xã Mỹ T, huyện P. Năm 2014, Công ty A hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ địa chính H (gọi tắt là Công ty H) đo đạc, lập bản đồ, xác định vị trí, diện tích các hộ bị ảnh hưởng, thu thập các tài liệu liên quan đến tính hợp pháp của các chủ sử dụng có đất bị ảnh hưởng. Công ty H đã đo đạc và làm việc với từng hộ có đất bị ảnh hưởng để xác định người trực tiếp sử dụng đất cũng như chủ sử dụng đất. Lúc này, vợ chồng ông B đang quản lý diện tích đất 27.305,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33. Sau đó, Công ty H đến UBND xã để ký xác nhận vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất nên UBND xã đã xác nhận vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất của ông Lê Thanh B là người trực tiếp sản xuất một phần thửa đất nói trên (khi đó chưa xảy ra tranh chấp giữa ông E và ông B).

Tại Biên bản xác minh ngày 20 tháng 7 năm 2017, cán bộ Địa chính xã Mỹ Hiệp cung cấp như sau: Vợ chồng ông Bình, bà Võ Thị Thủy không đăng ký sử dụng diện tích đất trồng rừng sản xuất tại thôn Vạn Lộc, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ.

Tại Công văn số 68/2021-DPC ngày 18/11/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đạt P là đơn vị thực hiện công tác đo đạc thực địa theo yêu cầu của tòa án cấp sơ thẩm đối với thửa đất tại núi Bằng Đ, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định đã nêu rõ: “Sau khi có kết quả đo đạc thực địa Công ty đã phát hành bản Trích đo địa chính khu đất và ghi vị trí khu đất thuộc bản đồ địa chính lâm nghiệp số 3 (10-566584+560584) thuộc các thửa đất 50, 51, 52, và 54, số hiệu và tên gọi này được căn cứ theo hệ thống bản đồ địa chính đất lâm nghiệp toàn tỉnh Bình Định được đo vẽ năm 2008, tỷ lệ 1/10.000, hệ tọa độ Quốc gia VN-2000, kinh tuyến trung ương 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>

Còn số hiệu tờ bản đồ và số thửa ghi trên GCNQSDĐ (cấp năm 2006) là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, số hiệu tờ bản đồ và số thửa này căn cứ theo hệ thống bản đồ được lập cho dự án trồng rừng DA – WB3 được lập năm 2006, tỷ lệ 1/5.000, hệ tọa độ Quốc gia VN-2000, kinh tuyến trung ương 108<sup>0</sup>15', múi chiều 3<sup>0</sup>”.

Từ những phân tích tại [1] và [2], có căn cứ xác định rằng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, diện tích 61.535,0m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất tại thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện P giao và cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Võ Phúc E là đúng quy định của pháp luật. Diện tích đất phía Nam thửa đất nêu trên mà vợ chồng ông B đã trồng keo là một phần của thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông E. Việc ông B cho rằng đất của vợ chồng ông đang sử dụng là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3 do vợ chồng ông khai hoang, đã đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông B thừa nhận số cây gia đình ông trồng trên phần đất tranh chấp đã đến hạn khai thác, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông B phải chặt toàn bộ cây keo lá tràm được trồng trên diện tích 23.672,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định để trả lại diện tích 23.672,9m<sup>2</sup> đất cho hộ ông Võ Phúc E là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu của Công ty TNHH A về việc yêu cầu ông Lê Thanh B trả lại tiền đã nhận đền bù đối với phần diện tích đất 9.475m<sup>2</sup> và tiền hỗ trợ việc làm cho ông Võ Phúc E trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông E để giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH A kháng cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/10/2021, Công ty TNHH A xin rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút kháng cáo của Công ty TNHH A là tự nguyện nên theo điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vợ chồng ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th phải chịu



chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên kháng cáo của ông B không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông phải chịu chi phí tố tụng không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Thanh B không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông B phải chịu 300.000 đồng, Công ty TNHH A rút kháng cáo tại phiên tòa nên phải chịu 300.000 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 166 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH A.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th phải thu hoạch toàn bộ cây keo lá tràm trồng trên diện tích 23.672,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất (ký hiệu S = 15574,1m<sup>2</sup> + S = 7984,6m<sup>2</sup> + S = 114,2m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 33, thôn Vạn L, xã Mỹ H, huyện P, tỉnh Bình Định để trả lại diện tích 23.672,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất cho hộ ông Võ Phúc E.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Lê Thanh B, bà Võ Thị Th phải chịu 16.000.000 đồng. Ông Võ Phúc E đã tạm ứng 16.000.000 đồng nên vợ chồng ông B, bà Th phải hoàn lại cho ông E 16.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

4.1 Ông Lê Thanh B phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008328 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4.2 Công ty TNHH A phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008329 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5. Về nghĩa vụ thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Hồ Tuấn Anh**